

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**
Bản án số: 47/2025/HS-ST
Ngày: 28-03-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2025, đối với:

Bị cáo NGUYỄN QUỐC H sinh ngày 22/9/1999 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; căn cước công dân số 034099001776; con ông Nguyễn Thành C sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị H1 sinh năm 1982; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc A sinh năm 2000 và 01 con sinh năm 2024.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân: Tháng 01/2018 đến tháng 01/2020 tham gia nghĩa vụ quân sự, đơn vị: Đoàn Biên phòng R, P, Kiên Giang. Là đảng viên Đ1, sinh hoạt tại Chi bộ thôn Q, xã T.

- Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/12/2024 đến nay. *(Có mặt)*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Đồng C1 sinh năm 2004; địa chỉ: tổ dân phố số A, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(Vắng mặt)*

- Anh Nguyễn Văn Đ sinh năm 1988; địa chỉ: tổ dân phố số I, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 9/2023 đến tháng 10/2024, Nguyễn Quốc H nhiều lần cho anh Nguyễn Đồng C1 và anh Nguyễn Văn Đ vay tiền chi tiêu cá nhân, thu lãi suất

cao từ 101,38 %/năm đến 182,5%/năm, gấp trên 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. tổng số tiền Nguyễn Quốc H đã cho anh Nguyễn Đồng C1 và anh Nguyễn Văn Đ vay là 134.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 70.050.000 đồng, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10.895.890 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 59.154.110 đồng; hình thức cho vay, thanh toán giữa các bên bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua dịch vụ Internet Banking, Trong đó:

1. Trong khoảng thời gian từ ngày 25/9/2023 đến ngày 26/4/2024, H cho anh Nguyễn Đồng C1 06 lần vay tiền; với tổng số tiền cho vay là 24.000.000 đồng; lãi suất từ 101,38 %/năm đến 139,04%/năm. Toàn bộ số tiền nợ gốc là 24.000.000 đồng, đến nay anh C1 chưa trả cho H. Tổng số tiền lãi anh C1 đã trả cho H là 4.250.000 đồng, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 731.506 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.518.494 đồng; cụ thể

- Lần thứ nhất: Ngày 25/9/2023, H cho anh C1 vay 3.000.000 đồng, thời hạn 2,5 tháng, lãi 300.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất 121,66%/năm. Đến ngày 10/12/2023, anh C1 đã trả cho H 750.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 123.288 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 626.712 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 14/10/2023, H cho anh C1 vay 6.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng, lãi 500.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất 101,38%/năm. Đến ngày 14/11/2023, anh C1 đã trả cho H 500.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 98.630 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 401.370 đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 24/10/2023, H cho anh C1 vay 5.500.000 đồng, thời hạn 01 tháng, lãi 500.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất 110,6%/năm. Đến ngày 24/11/2023, anh C1 đã trả cho H 500.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 90.411 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 409.589 đồng.

- Lần thứ tư: Ngày 10/11/2023, H cho anh C1 vay 3.500.000 đồng, thời gian 01 tháng, lãi 350.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất 139,04%/năm. Đến ngày 10/12/2023, anh C1 đã trả cho H 350.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 57.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 342.466 đồng.

- Lần thứ năm: Ngày 15/11/2023, H cho anh C1 vay 4.000.000 đồng, thời gian 01 tháng, lãi 350.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất 106,45%/năm. Đến ngày 15/12/2023, anh C1 đã trả cho H 350.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 65.753 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 284.247 đồng.

- Lần thứ sáu: Ngày 25/02/2024, H cho anh C1 vay 2.000.000 đồng, thời gian 09 tháng, lãi 200.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất 121,66%/năm). Đến ngày 25/11/2024, anh C1 đã trả cho H 1.800.000 đồng tiền

lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 90.411 đồng, số tiền thu lời bất chính là 1.504.110 đồng.

2. Trong khoảng thời gian từ ngày 12/12/2023 đến ngày 26/4/2024, H cho anh Nguyễn Văn Đ 08 lần vay tiền; tổng số tiền cho vay là 110.000.000 đồng; lãi suất từ lãi suất 121,66%/năm đến 182,5%/năm. Anh Đ đã trả đủ nợ gốc và đã trả cho H 65.800.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10.164.384 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 55.635.616 đồng; cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 12/12/2023, H cho anh Đ vay 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi 1.500.000 đồng/tháng (tương đương với mức lãi suất 3.333 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tức 121,66%/năm). Đến ngày 12/6/2024, anh Đ đã trả cho H đủ 15.000.000 đồng nợ gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.479.452 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 7.520.548 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 31/01/2024, H chuyển khoản cho anh Đ vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi 3.000.000 đồng/tháng (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm). Đến ngày 31/3/2024, anh Đ đã trả cho H 6.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 657.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.342.466 đồng nhưng chưa trả nợ gốc.

- Lần thứ ba: Ngày 21/02/2024, H chuyển khoản cho anh Đ vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, lãi 500.000 đồng/10 ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm). Đến hạn, anh Đ đã trả cho H 500.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 54.795 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 445.205 đồng nhưng chưa trả nợ gốc.

- Lần thứ tư: Ngày 01/4/2024, do anh Đ chưa trả nợ gốc của khoản vay ngày 31/01/2024 và ngày 21/02/2024 nên H và anh Đ thống nhất gộp số tiền nợ gốc của 2 khoản vay này là 30.000.000 đồng thành khoản vay mới, thời hạn vay là 03 tháng, lãi 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tính từ ngày 01/4/2024 (tương đương với mức lãi suất 146%/năm). Đến ngày 01/7/2024, anh Đ đã trả cho H 30.000.000 đồng nợ gốc và 10.800.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.479.452 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 9.320.548 đồng.

- Lần thứ năm: Ngày 15/3/2024, H chuyển khoản cho anh Đ vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 07 tháng, lãi 2.000.000 đồng/30 ngày (tương đương với mức lãi suất 3.333 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tức 121,66%/năm). Đến ngày 15/10/2024, anh Đ đã trả cho H 14.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 2.301.370 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 11.698.630 đồng; ngày 22/12/2024 thì trả đủ 20.000.000 đồng nợ gốc.

- Lần thứ sáu: Ngày 06/4/2024, H chuyển khoản cho anh Đ vay 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi 1.500.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất 121,66%/năm. Ngày 06/10/2024, anh Đ đã trả cho H 15.000.000 đồng nợ gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.479.452 đồng, số tiền thu lời bất chính là 7.520.548 đồng.

- Lần thứ bảy: Ngày 22/4/2024, H chuyển khoản cho anh Đ vay 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi 1.500.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất 121,66%/năm. Ngày 23/9/2024, anh Đ đã trả cho H 15.000.000 đồng nợ gốc và 7.500.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.232.877 đồng, số tiền thu lời bất chính là 6.267.123 đồng.

- Lần thứ tám: Ngày 26/4/2024, H chuyển khoản cho anh Đ vay 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi 1.500.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất 121,66%/năm. Ngày 21/10/2024, anh Đ đã trả cho H 9.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.479.452 đồng, số tiền thu lời bất chính là 7.520.548 đồng; ngày 22/12/2024 thì trả đủ 15.000.000 đồng nợ gốc.

Cáo trạng số 58/CT-VKSTT ngày 12/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc H không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, phạt bổ sung bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 đề nghị:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Quốc H nộp lại 110.000.000 đồng tiền nợ gốc anh Nguyễn Văn Đ đã trả cho H và 10.895.890 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Bị cáo H có nghĩa vụ trả cho anh Đ 55.635.616 đồng là tiền thu lời bất chính.

+ Bị cáo H có nghĩa vụ trả cho anh C1 3.518.494 đồng là tiền thu lời bất chính.

+ Đối với anh C1 còn nợ tiền gốc 24.000.000 đồng chưa trả cho bị cáo H, nên đề nghị tịch thu từ anh C1 để tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu xám thu giữ của bị cáo H.

- Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo ăn năn hối cải về hành vi sai trái và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: lời khai của bị cáo tại phiên tòa không có sự thay đổi so với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; bị cáo Nguyễn Quốc H đã thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là đúng. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, gồm: Đơn trình báo; Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Đồng C1 và anh Nguyễn Văn Đ; Sao kê chi tiết giao dịch đối với tài khoản số 3333331052004, mở tại Ngân hàng TMCP Q của anh Nguyễn Đồng C1, từ ngày 01/6/2024 đến ngày 25/12/2024; Sao kê chi tiết giao dịch đối với tài khoản số 99698898888, mở tại Ngân hàng TMCP Q của bị cáo Nguyễn Quốc H, từ ngày 03/01/2022 đến ngày 06/12/2024; Biên bản làm việc về nội dung kiểm tra, khai thác dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 ProMax quản lý của Nguyễn Quốc H cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn để kết luận: Từ tháng 9/2023 đến tháng 10/2024, Nguyễn Quốc H đã cho anh Nguyễn Đồng C1 và anh Nguyễn Văn Đ vay tổng số 134.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân, thu lãi suất cao, gấp trên 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi H đã thu của anh C1 và Đ là 70.050.000 đồng, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10.895.890 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 59.154.110 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng và trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân được pháp luật

bảo vệ. Bị cáo H là người có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự; biết rõ việc cho vay tiền với lãi suất cao là hành vi bị nhà nước nghiêm cấm, trên thực tế, đã có nhiều người bị xử lý hình sự về hành vi này nhưng vì muốn thu lời bất chính nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo xâm phạm trật tự quản lý tín dụng của nhà nước và lợi ích vật chất của người đi vay.

[4] Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như sau:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[5] Bị cáo Nguyễn Quốc H đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố.

[6] Bị cáo Nguyễn Quốc H là người có nhân thân tốt, đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự và đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, hiện nay, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; đây là lần đầu bị cáo phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện tạm nộp 59.404.110 đồng cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy để đảm bảo thi hành án nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo Nguyễn Quốc H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu xám thu giữ của Nguyễn Quốc H; bị cáo H dùng để liên lạc liên lạc với anh Nguyễn Đồng C1 và Nguyễn Văn Đ về việc cho vay tiền, thực hiện các lệnh trong ứng dụng của ngân hàng để chuyển khoản tiền cho vay, nhận tiền lãi nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 110.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Quốc H dùng để cho anh Nguyễn Văn Đ vay là phương tiện phạm tội. Do anh Đ đã trả cho bị cáo H nên cần buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền này để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 24.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Quốc H dùng để cho anh Nguyễn Đồng C1 vay là phương tiện phạm tội. Do anh C1 còn nợ nên cần buộc anh C1 phải nộp lại số tiền này để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền lãi mà H đã thu của anh C1 và anh Đ tổng là 70.050.000 đồng, trong đó có 10.895.890 đồng (tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm) là tiền do phạm tội mà có nên cần buộc H phải nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; 59.154.110 đồng (tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là tiền thu lợi bất chính cần buộc bị cáo H phải hoàn trả lại anh C1 3.518.494 đồng, hoàn trả lại cho anh Đ 55.635.616 đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc H phạm tội " "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36; Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Phạt bổ sung bị cáo H 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh T nhận được Quyết định thi hành án. Giao bị cáo Nguyễn Quốc H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

3.1. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax vỏ màu xám, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Quốc H.

(Vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 28/02/2025).

3.2. Áp dụng Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 hướng dẫn về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Quốc H phải nộp lại 120.895.890 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Quốc H phải hoàn trả lại cho anh Nguyễn Đồng C1 3.518.494 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Quốc H phải hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ 55.636.616 đồng.

- Buộc anh Nguyễn Đồng C1 phải nộp lại 24.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

3.3. Chuyên 59.404.110 đồng bị cáo Nguyễn Quốc H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002923 và 0002924 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy để thi hành các khoản thu, nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Nguyễn Quốc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Phòng PC10 Công an tỉnh Thái Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng PV06 Công an tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lan Anh